

Bản án số: 187/2022/DS-ST

Ngày: 16/9/2022

V/v tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Trần Văn Sáu**

2. Ông **Hồ Thanh Hùng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.*

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 251/2022/TLST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 299/2022/QĐXXST-DS ngày 24/8/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Huỳnh M**, sinh năm: 1954.

Nơi ĐKKHTT: Số 157/7, đường 14/9, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: Số 15, đường 8/3, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Ông **Lâm Hoài Đ**, sinh năm: 1955.

Địa chỉ: Tổ 10, ấp K, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ và liên quan:* Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm: 1956.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị **Nguyễn Thị Hạnh H**, sinh năm: 1994 (Văn bản ủy quyền đề ngày 01/8/2022)

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Bà M, chị H có mặt tại phiên tòa, ông Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Huỳnh M trình bày:

- Vào năm 2019 - 2020, ông Lâm Hoài Đ 03 lần đến vay tiền của bà tổng cộng số tiền là 680.000.000 đồng. Cụ thể: Ngày 08/11/2019 vay số tiền 200.000.000 đồng, ngày 31/12/2019 vay số tiền 180.000.000 đồng, ngày 21/3/2020 vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Sau khi vay, ông Đ có trả lãi đến tháng 01/2021 thì ngưng đến nay, vốn chưa trả.

Nay bà yêu cầu ông Đ, bà X trả số tiền vốn 680.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ tháng 4/2021 đến tháng 6/2022 là 14 tháng thành tiền lãi là 79.016.000 đồng.

** Bị đơn ông Lâm Hoài Đ không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc kiện.*

** Theo tờ tự khai đề ngày 02/8/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Hạnh H là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị X là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Bà X và ông Đ là vợ chồng sống chấp nối với nhau, nhưng công việc làm ăn của ông Đ thì ông làm ăn riêng, bà X không biết. Bà X không có vay tiền của bà M, còn ông Đ có vay tiền bà M thế nào bà X không biết cũng không nghe ông Đ nói. Nay bà X không đồng ý cùng ông Đ trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của bà M.

Tại phiên tòa, bà M, chị H vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên. Bị đơn ông Đ vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn kiện tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản đây là giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan hệ tranh chấp:* Nguyên đơn kiện và yêu cầu bị đơn trả số tiền vay, nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

- *Về việc vắng mặt của đương sự:* Ông Lâm Hoài Đ là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ để dự phiên tòa xét xử việc bà M khởi kiện đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

- *Về việc ủy quyền:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Hạnh H theo văn bản ủy quyền được Ủy ban nhân dân xã Hòa Hưng chứng thực ngày 01/8/2022. Xét việc ủy quyền của các bên là phù hợp với

quy định tại Điều 138 của Bộ luật dân sự nên chị H là người đại diện theo ủy quyền cho bà X.

[2]. Về nội dung vụ án:

Theo lời bà M trình bày vào năm 2019 - 2020, ông Lâm Hoài Đ 03 lần đến vay tiền của bà tổng cộng số tiền là 680.000.000 đồng. Cụ thể: Ngày 08/11/2019 vay số tiền 200.000.000 đồng, ngày 31/12/2019 vay số tiền 180.000.000 đồng, ngày 21/3/2020 vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Sau khi vay, ông Đ có trả lãi đến tháng 01/2021 thì ngưng đến nay, vốn chưa trả.

Khi vay tiền, ông Đ có giao cho bà M giữ làm tin gồm: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thửa 137, số vào sổ cấp GCN: CH04169 ngày 26/7/2018 do Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè cấp cho bà Nguyễn Thị X đứng tên (Bản chính); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thửa 135, số vào sổ cấp GCN: CH04224 ngày 11/9/2018 do Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè cấp cho bà Nguyễn Thị X đứng tên (Bản chính); 01 Giấy chứng minh nhân dân của ông Đ (Bản photo); 01 Giấy chứng minh nhân dân của bà X (Bản photo); 01 Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa (Bản photo). Đồng thời cung cấp chứng cứ gồm: 01 Giấy mượn tiền đề ngày 08/11/2019, 01 Biên nhận tiền đề ngày 31/12/2019 và 01 Biên nhận vay tiền đề ngày 21/3/2020.

Bị đơn ông Lâm Hoài Đ đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết và xét xử việc bà M khởi kiện nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Đồng thời cũng không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc bà M khởi kiện, xem như ông Đ đã từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi cho mình.

[2.1]. Xét thấy, theo các chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm 01 Giấy mượn tiền đề ngày 08/11/2019, 01 Biên nhận tiền đề ngày 31/12/2019 và 01 Biên nhận vay tiền đề ngày 21/3/2020 đều thể hiện nội dung ông Lâm Hoài Đ có vay tiền của bà M. Do vậy, có căn cứ xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà M với ông Đ thực tế phát sinh theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

Theo các Biên nhận và Giấy nhận tiền khi vay thời hạn trả là 02 tháng, nhưng đến nay ông Đ không trả là có lỗi vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Xét chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của bà M yêu cầu ông Đ trả tiền vốn vay số tiền là 680.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, bà M có yêu cầu trả tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ tháng 4/2021 đến tháng 6/2022 là 14 tháng thành tiền lãi là 79.016.000 đồng. Xét thấy, mặc dù theo các biên nhận tiền bà M cung cấp không có thể hiện việc trả tiền lãi, nhưng ông Đ đã vi phạm thời hạn chậm trả tiền, nên ông phải có nghĩa vụ trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Bà M yêu cầu mức lãi suất 0,83%/tháng, tương đương mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự. Thời gian tính lãi từ tháng 4/2021 đến tháng 6/2022 là 14 tháng thành tiền lãi là 79.016.000 đồng là có lợi cho ông Đ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trả tiền lãi suất của bà M. Buộc ông Đ trả cho bà M số tiền lãi suất chậm trả là 79.016.000 đồng.

[2.2]. Ngoài ra, bà M có yêu cầu bà X cùng liên đới ông Đ trả tiền, chị H là người đại diện theo ủy quyền của bà X không đồng ý. Xét thấy, theo chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là 03 Biên nhận nhận tiền, trong đó có 01 Biên nhận vay tiền đề

ngày 21/3/2020 có thể hiện tên bà X cùng ông Đ vay số tiền 300.000.000 đồng, nhưng bà X không có ký tên nơi người mượn tiền mà chỉ có ông Đ ký. Còn lại 01 Giấy mượn tiền đề ngày 08/11/2019, 01 Biên nhận tiền đề ngày 31/12/2019 theo nội dung các biên nhận chỉ thể hiện một mình ông Đ là người vay và nhận tiền. Đồng thời qua lời khai của bà M trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà M xác định trong 03 lần vay tiền chỉ có ông Đ là người đến hỏi vay và nhận tiền, không có bà X đi cùng. Ở Biên nhận vay tiền đề ngày 21/3/2020 có thể hiện tên bà X cùng ông Đ vay số tiền 300.000.000 đồng là do ông Đ tự ghi tên bà X và việc giao 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà X đứng tên cho bà M giữ cũng do ông Đ là người giao. Ngoài ra, bà M cũng không có chứng cứ chứng minh bà X cùng ông Đ vay tiền. Do vậy, không chấp nhận phần yêu cầu của bà M yêu cầu bà X cùng liên đới ông Đ trả tiền.

[2.3]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà M chỉ có một phần cơ sở, nên chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà M. Buộc ông Lâm Hoài Đ trả cho bà M số tiền vốn vay 680.000.000 đồng và tiền lãi là 79.016.000 đồng, tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 759.016.000 đồng.

[2.4]. Mặt khác trong khi vay tiền bà M, ông Đ có giao cho bà M giữ làm tin gồm: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thửa 137, số vào sổ cấp GCN: CH04169 ngày 26/7/2018 do Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè cấp cho bà Nguyễn Thị X đứng tên; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thửa 135, số vào sổ cấp GCN: CH04224 ngày 11/9/2018 do Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè cấp cho bà Nguyễn Thị X đứng tên. Xét thấy, 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông Đ giao cho bà M giữ là quyền sử dụng đất của cá nhân bà X, việc ông Đ lấy tự ý giao cho bà M nhưng không có ý kiến bà X là không đúng. Lẽ ra buộc bà M giao trả lại cho bà X, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị H là người đại diện theo ủy quyền của bà X không có yêu cầu trả lại, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp bà X có yêu cầu tranh chấp thì được giải quyết bằng vụ án khác.

[3]. **Về án phí:** Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà M nên ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần chấp nhận yêu cầu của bà M theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Miễn án phí cho bà M phần không được chấp nhận yêu cầu do bà M thuộc diện người cao tuổi.

[4]. **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Huỳnh M.

- Buộc ông Lâm Hoài Đ trả cho bà Lê Thị Huỳnh M số tiền là 759.016.000 đồng.

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đ chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải trả thêm tiền lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của bà M yêu cầu bà Nguyễn Thị X cùng ông Lâm Hoài Đ trả tiền.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lâm Hoài Đ chịu 34.360.640 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Ông Đ được tính từ khi nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Nhịn